

Lesson Overview

Requesting a bank loan



You are a representative of your company, and you have a meeting with a banker to request a loan.

How do you request a bank loan?

Useful language

	Words and Expressions	Meaning
Starting the conversation		
1	Good morning, [name]. I've been thinking about our business expansion plans, and I think it's time I consider applying for a bank loan.	Chào buổi sáng, [tên]. Tôi đang suy nghĩ về kế hoạch mở rộng kinh doanh của chúng tôi và tôi nghĩ đã đến lúc tôi cân nhắc việc đăng ký vay ngân hàng.
2	Good morning, [name]. I'd be happy to assist you.	Chào buổi sáng, [tên]. Tôi rất vui được hỗ trợ bạn.
Requesting a bank loan		
3	Can you help me with some information?	Bạn có thể cung cấp cho tôi một số thông tin được không?
4	Of course. I offer a range of loan types, including short-term loans, intermediate loans, and long-term loans. What types of loans are you thinking about?	Tất nhiên rồi. Tôi cung cấp nhiều loại khoản vay, bao gồm các khoản vay ngắn hạn, các khoản vay trung hạn và các khoản vay dài hạn. Bạn đang nghĩ đến những loại khoản vay nào?

Lesson Overview

	Words and Expressions	Meaning
5	I believe [type of loan] would be the best fit for my business's expansion plans.	Tôi tin rằng [loại khoản vay] sẽ phù hợp nhất với kế hoạch mở rộng kinh doanh của tôi.
6	That's a good choice. Now, how much are you looking to borrow?	Đó là một lựa chọn tốt. Bây giờ bạn muốn vay bao nhiêu?
7	I'm currently considering a loan amount of [loan amount]. This should cover our expansion project and provide some working capital.	Tôi hiện đang xem xét số tiền vay là [số tiền vay]. Điều này sẽ chi trả cho dự án mở rộng của chúng tôi và cung cấp một số vốn lưu động.
8	Regarding collateral, do you have any assets you could offer as security for the loan?	Về tài sản thế chấp, bạn có tài sản nào có thể dùng để đảm bảo cho khoản vay không?
9	Yes, I have [collateral] that I could use as collateral.	Có, tôi có [tài sản thế chấp] mà tôi có thể sử dụng làm tài sản thế chấp.
10	That's helpful information.	Đó là thông tin hữu ích.
11	some commercial real estate	một số bất động sản thương mại
12	some valuable equipment and machinery	một số thiết bị và máy móc có giá trị
13	a significant amount of company vehicles	một lượng lớn xe của công ty
14	Next, do you have an idea of the interest rate for this type of loan?	Tiếp theo, bạn có biết lãi suất của loại khoản vay này không?
15	Regarding the interest rate, for a long-term loan of this type, our current rate is [interest rate].	Về lãi suất, đối với khoản vay dài hạn loại này, lãi suất hiện tại của chúng tôi là [lãi suất].

Lesson Overview

	Words and Expressions	Meaning
16	Thank you for providing the specific interest rate. That's helpful. Can you also guide me through the application process?	Cảm ơn bạn đã cung cấp lãi suất cụ thể. Điều đó rất hữu ích. Bạn có thể hướng dẫn tôi trong quá trình đăng ký được không?
17	Absolutely. To apply for the loan, you'll need to provide us with various financial documents, including [applicant process]. I can assist you with the paperwork and guide you through the steps.	Chắc chắn rồi. Để đăng ký khoản vay, bạn cần cung cấp cho chúng tôi nhiều tài liệu tài chính khác nhau, bao gồm cả [quy trình đăng ký]. Tôi có thể hỗ trợ bạn các bước làm thủ tục giấy tờ.
18	You'll need to provide us with various financial documents, including your company's financial statements, tax returns, and a detailed business plan outlining how you intend to utilize the loan funds.	Bạn sẽ cần cung cấp cho chúng tôi nhiều tài liệu tài chính khác nhau, bao gồm báo cáo tài chính, tờ khai thuế của công ty bạn và kế hoạch kinh doanh chi tiết nêu rõ cách bạn dự định sử dụng vốn vay.
19	In addition to the financial documents and business plan, we'll also need some other key information from you, such as business credit history, the purpose of the loan, and any existing debts or liabilities your business may have.	Ngoài các tài liệu tài chính và kế hoạch kinh doanh, chúng tôi cũng cần một số thông tin quan trọng khác từ bạn, chẳng hạn như lịch sử tín dụng kinh doanh, mục đích của khoản vay và bất kỳ khoản nợ hoặc nghĩa vụ pháp lý hiện có nào mà doanh nghiệp của bạn có thể có.

Lesson Overview

	Words and Expressions	Meaning
Ending the conversation		
20	That's great to hear, [name]. Thanks for your assistance. I'll start preparing the necessary documents and move forward with the application.	Thật tuyệt khi nghe điều đó, [tên]. Cảm ơn sự giúp đỡ của bạn. Tôi sẽ bắt đầu chuẩn bị các tài liệu cần thiết và tiến hành nộp đơn.
21	You're welcome, [name]. If you have any more questions or need further support as you proceed, please don't hesitate to reach out. I'm here to help you through the loan application process.	Không có gì đâu, [tên]. Nếu bạn có thêm bất kỳ câu hỏi nào hoặc cần hỗ trợ thêm khi tiếp tục, vui lòng liên hệ. Tôi sẽ giúp bạn trong quá trình đăng ký khoản vay.
Other structures		
22	A short-term loan is a type of loan that is borrowed and expected to be repaid within a brief period, typically within one year or less.	Khoản vay ngắn hạn là một loại khoản vay được vay và dự kiến sẽ được hoàn trả trong một khoảng thời gian ngắn, thường là trong vòng một năm hoặc ít hơn.
23	A medium-term loan is a type of loan that is borrowed and expected to be repaid within an intermediate period, typically from one year to five years.	Khoản vay trung hạn là loại khoản vay được vay và dự kiến sẽ được hoàn trả trong một khoảng thời gian trung hạn, thường từ một năm đến năm năm.
24	A long-term loan is a type of loan that is borrowed and expected to be repaid within an extended period, typically exceeding five years.	Khoản vay dài hạn là một loại khoản vay được vay và dự kiến sẽ được hoàn trả trong một thời gian dài, thường là trên 5 năm.

Lesson Overview

	Words and Expressions	Meaning
25	A collateral is an asset or property that a borrower pledges to a lender as security for a loan.	Tài sản thế chấp là một tài sản hoặc bất động sản mà người đi vay cầm cố cho người cho vay để đảm bảo cho khoản vay.
26	Real estate is property and land owned or used by a company for its operations, investments, or income-generating purposes.	Bất động sản là tài sản và đất đai do một công ty sở hữu hoặc sử dụng cho hoạt động, đầu tư hoặc mục đích tạo thu nhập.
27	An interest rate is the cost of borrowing money or the return on investment for lending money.	Lãi suất là chi phí vay tiền hoặc lợi tức đầu tư khi cho vay tiền.